

UBND PHƯỜNG MƯỜNG THANH
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH XƯƠNG

BẢNG CÔNG KHAI THỰC ĐƠN THỰC HIỆN TỪ NGÀY 26 THÁNG 3 NĂM 2026 ĐỐI VỚI HỌC SINH MẪU GIÁO

Thứ	Bữa	Chi phí lương thực thực phẩm						Chi phí cố định		Tổng tiền /bữa/ xuất (đồng)	Điều chỉnh			
		Tên món ăn	Tên LT -TP	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Giá vị (Bột nêm, nước mắm, bột canh, dầu ăn và nước rửa bát) (đồng)	CPCĐ (Công nấu, chất đốt, điện nước, đồ dùng) đồng					
Thứ 2	Bữa trưa chính	Com tẻ trắng	Gạo tẻ tám thom	Kg	0,10000	18.000	1.800	500	4.500	16.500	-			
		Thịt lợn băm xào trứng	Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,03300	140.000	4.620							
			Trứng gà ta	Quả	0,80000	5.000	4.000							
			Hành tươi	Kg	0,00200	30.000	60							
	Canh Rau diếp nấu thịt	Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,00300	140.000	420								
		Rau diếp	Kg	0,04000	15.000	600								
		Bữa Phụ	Bún nấu thịt	Bún gạo khô	Kg	0,04000	28.000					1.120	3.500	-
				Cà chua	Kg	0,00660	30.000					198		
Hành tươi	Kg			0,00120	30.000	26								
Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg			0,01540	140.000	2.156								
Thứ 3	Bữa trưa chính	Com tẻ trắng	Gạo tẻ tám thom	Kg	0,10000	18.000	1.800	500	4.500	16.500	-			
		Thịt gà xào cà rốt, ngô ngọt	Gà CN Làm sẵn bỏ đầu cổ cánh chân	Kg	0,08700	90.000	7.830							
			Ngô ngọt	Bắp	0,04000	10.000	400							
			Cà rốt	Kg	0,01000	20.000	200							
			Hành tươi	Kg		30.000	40							
	Canh củ quả nấu thịt gà	Gà CN Làm sẵn bỏ đầu cổ cánh chân	Kg	0,00700	90.000	630								
		Su su	Kg	0,04000	15.000	600								
		Bữa Phụ	Cháo gà	Gạo tẻ tám thom	Kg	0,04300	18.000					774	3.500	-
	Gà CN Làm sẵn bỏ đầu cổ cánh chân			Kg	0,03000	90.000	2.700							
	Hành tươi			Kg	-	30.000	26							
Thứ 4	Bữa trưa chính			Com tẻ trắng	Gạo tẻ tám thom	Kg	0,10000	18.000	1.800	500	4.500	16.500		
		Cá trắm khúc+ thịt lợn sốt cà chua	Cá trắm khúc	Kg	0,03900	120.000	4.680							
			Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,02690	140.000	3.766							
			Cà chua	Kg	0,02330	30.000	699							
	Hành tươi		Kg		30.000	30								
Bữa trưa	Canh cá nấu dưa	Nước luộc cá												

Thứ	Bữa	Chi phí lương thực thực phẩm						Chi phí cố định		Tổng tiền /bữa/ xuất (đồng)	Điều chỉnh
		Tên món ăn	Tên LT -TP	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Gia vị (Bột nêm, nước mắm, bột canh, dầu ăn và nước rửa bát) (đồng)	CPCĐ (Công nấu, chất đốt, điện nước, đồ dùng) (đồng)		
	chính	chua	Rau cải muối dưa	Kg	0,03500	15.000	525				
Thứ 4	Bữa Phụ	Bún nấu thịt lợn băm	Bún gạo khô	Kg	0,06000	28.000	1.680	500	4.500	14.900	
			Cà chua	Kg	0,00670	30.000	201				
			Hành tươi	Kg		30.000	23				
			Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,01140	140.000	1.596				
Thứ 5	Bữa trưa chính	Com tẻ trắng	Gạo tẻ tám thơm	Kg	0,10000	18.000	1.800	500	4.500	14.900	-
			Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,01400	140.000	1.960				
			Ngô ngọt	Bắp	0,04000	10.000	400				
			Cà rốt	Kg	0,01000	20.000	200				
			Giò lợn	Kg	0,03300	145.000	4.785				
			Hành tươi	Kg	0,00050	30.000	15,0				
	Bữa Phụ	Canh Rau ngót nấu thịt băm	Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,00100	140.000	140				
			Rau ng	Kg	0,04000	15.000	600				
	Bữa Phụ	Sữa Nuti baby	Sữa Nuti baby	Kg	0,02000	255.000	5.100			5.100	
Thứ 6	Bữa trưa chính	Thịt lợn rim đậu phụ	Com tẻ trắng	Kg	0,10000	18.000	1.800	500	4.500	16.500	-
			Đậu phụ	Kg	0,05400	20.000	1.080				
			Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,05300	140.000	7.420				
			Hành tươi	Kg	0,00133	30.000	40				
			Thịt lợn mỡ vai lọc bì	Kg	0,00400	140.000	560				
			Su su nă	Kg	0,03000	20.000	600				
	Bữa Phụ	Bánh gạo, chè đỗ đen	Đỗ đen	Kg	0,02500	70.000	1.750				
			Bánh gạo	Gói	0,03360	25.000	840				
			Đường	Kg	0,03500	26.000	910			3.500	

NGƯỜI LẬP

NHÂN VIÊN Y TẾ

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hải Yến

Hoàng Thị Hải Yến



Trịnh Thị Huyền